TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2023/DS-PT
Ngày 23/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Ông Lương Phước Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2022/DSST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Thị Phượng T; cư trú tại: Số H đường C T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Kỳ V; cư trú tại: Số A đường C T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơlà người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2019).

*2.Bị đơn:*Ông Nguyễn Văn L; cư trú tại: Số E Khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*Ông Bùi Việt D; cư trú tại số B Hồ N, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trănglà người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2022)

- *Người kháng cáo:* *Bà* Nguyễn Thị Phượng T*là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, ông* Nguyễn Kỳ V - *đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Lơ lbạn làm ăn, kinh doanh với ông H(chồng bà T). Khi cần vốn, ông vay tiền của bà sau đó trả đủ gốc, lãi. Việc vay tiền do ông Lơ tviết biên nhận, ký tên sau khi nhận đủ tiền vay, khi trả xong thì nhận lại biên nhận. Vào ngày 20/11/2006, ông Lvay không kỳ hạn 500.000.000 đồng, nhận tiền xong ông Lviết biên nhận và giao bà giữ. Tuy biên nhận không ghi lãi suất nhưng 02 bên có thỏa thuận lãi bên ngoài 3%/tháng, khi nào trả hết gốc, lãi thì ông Llấy biên nhận lại. Năm 2007, giữa ông Lvà ông H(chồng bà T) có mâu thuẫn trong làm ăn dẫn đến ông Lbị tội hình sự phải chấp hành án một thời gian, đến khi ông chấp hành án xong, bà muốn khởi kiện nhưng được tư vấn hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên theo luật thì bà vẫn còn quyền khởi kiện. Vào tháng 9/2020 bà có gửi cho ông Lthông báo đòi nợ, ấn định thời hạn 01 tháng để trả nợ nhưng ông không trả.

Bà yêu cầu ông Ltrả tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, tính đến ngày 20/9/2020 là 13 năm 10 tháng với số tiền lãi 691.000.000 đồng. Ông Lphải tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định cho đến khi trả hết nợ.

Tại Tòa án sơ thẩm, phía nguyên đơn xác định: Ông Lđã nhận tiền vay, tự viết biên nhận nên chữ ký, chữ viết trong Biên nhận ngày 20/11/2006 là của ông L. Bà Tkhởi kiện, đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh bằng Biên nhận ngày 20/11/2006 khẳng định ông Lcó vay tiền của bà. Việc ông Lkhông thừa nhận nợ, chữ viết, chữ ký trong Biên nhận ngày 20/11/2006 thì ông phải chứng minh. Do đó, ông Vkhông yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong Biên nhận ngày 20/11/2006 này (Bút lục 48).

**Bị đơn - ông* Nguyễn Văn L*trình bày:*

Ông thừa nhận có quan hệ làm ăn mua đất với ông H(chồng bà T). Đến năm 2005 xảy ra mâu thuẫn nên không tiếp tục làm ăn. Năm 2008, ông Hvà ông Mvào nhà đánh đập ông dẫn đến ông phải ở tù. Cũng trong năm này, ông Hkhởi kiện ông, Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử buộc ông phải trả cho ông H500.000.000 đồng tiền hùn vốn mua đất. Giữa ông và bà Tkhông có bất cứ quan hệ làm ăn, vay mượn nào nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T. Đối với Biên nhận ngày 20/11/2006 bà Tcung cấp không phải chữ viết, chữ ký của ông mà do bà Ttự viết. Ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đó (Bút lục 41-42).

-Tại bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DSST ngày 03 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phượng Tvề việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Ltrả tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 750.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Phượng Tphải chịu 49.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/006280 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành

án dân sự quận Cái Răng, bà phải nộp thêm 37.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theoluật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 21 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn cho rằng việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn không đồng ý và yêu cầu giám định chữ ký, giám định tuổi mực. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, để giải quyết đúng vụ án cần giám định lại chữ ký của bị đơn trong biên nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định lại. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã thụ lý, giải quyết là đúng các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2 Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và xuất trình biên nhận ngày 20/11/2006. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, không bên nào chịu yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận vì cho rằng nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên kia. Việc không giám định chữ ký là yếutố khó xác định được sự thật khách quan.

3 Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký. Nguồn tài liệu có chữ ký của bị đơn được thu thập từ các bản khai, tài liệu của hồ sơ vụ án hình sự trước đây của bị đơn. Lần giám định thứ nhất với 05 mẫu so sánh, cơ quan giám định tại Phòng KCông an thành phố Cđã không xác định được có phải là chữ ký, chữ viết của ông Lhay không. Nguyên đơn tiếp tục đề nghị giám định lần 2 với việc đề nghị thu thập nhiều mẫu hơn (14 mẫu so sánh). Kết quả giám định lần 2, Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Cđã khẳng định chữ ký trong biên nhận ngày 20/11/2006 là của bị đơn (Kết luận giám định số 60/KL-KTHS-TL ngày 17/7/2022). Sau khi có kết quả giám định lần 2, bị đơn có đơn yêu cầu giám định lại. Thấy rằng, tại thoản 5 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật giám định tư pháp"*. Theo quy định này thì yêu cầu

giám định lại của bị đơn vì không có căn cứ cho rằng kết quả giám định lần 2 là trái pháp luật.

4 Sau khi có kết quả giám định lần 2, bị đơn đã tự mình yêu cầu giám định bằng cách chụp các tài liệu mẫu trong hồ sơ và gửi các hình ảnh chụp này cho Trung tâm tư vấn, giám định dân sự để yêu cầu giám định. Kết quả, Trung tâm tư vấn, giám định dân sự kết luận thông qua hình ảnh chụp rằng chữ ký của bị đơn trong biên nhận ngày 20/11/2006 không phải chữ ký của bị đơn (Thông báo số 09/2023/TTTVGĐ DS ngày 13/3/2023). Như vậy, cần phải xác định kết luận giám định nào là chứng cứ để giải quyết vụ án.

5 Như nhận định trên thì kết luận giám định chữ ký lần 2 được trưng cầu hợp pháp và không có căn cứ cho rằng kết luận này trái pháp luật. Đây là chứng cứ tin cậy để xác định sự thật khách quan. Đối với Thông báo số 09/2023/TTTVGĐ DS ngày 13/3/2023 của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự được bị đơn tự mình trưng cầu, thấy rằng, khoản 1 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự"*. Như vậy, trong trường hợp này, việc tự yêu cầu giám định của bị đơn diễn ra trong giai đoạn phúc thúc nên không thỏa mãn quy định của Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự do đó không được chấp nhận.

6 Về quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định lại chữ ký, thấy rằng đề nghị này cũng giống yêu cầu của bị đơn đã được nhận định trên. Việc giám định lại là không có căn cứ tố tụng. Nếu chấp nhận việc giám định lại là trái tố tụng và có thể không có điểm dừng trong việc giám định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

7 Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, trong phần phát biểu của mình theo Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát chỉ phát biểu về tố tụng mà không phát biểu quan điểm về nội dung và có đề nghị hoãn phiên tòa. Trong trường hợp này, đề nghị hoãn phiên tòa là không có căn cứ như đã nhận định. Hội đồng xét xử thảo luận yêu cầu hoãn phiên tòa trong biên bản nghị án và nhận định trong bản án mà không cần thiết phải trở lại phiên tòa để thông báo quyết định không chấp nhận về việc hoãn phiên tòa.

8 Do kết luận giám định lần 2 được chấp nhận nên các nội dung về hợp đồng vay tài sản trong biên nhận đã được xác định. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại số tiền 500.000.000 đồng là cócăn cứ chấp nhận.

9 Về thỏa thuận lãi, biên nhận không ghi lãi suất. Nguyên đơn khai có thỏa thuận lãi bằng miệng. Bị đơn không thừa nhận. Do vậy, hợp đồng vay được xác định là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn không lãi theo điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Nội dung biên nhận là hợp đồng

vay tài sản không xác định thời hạn, tức hợp đồng đang có hiệu lực thực hiện nên không có thời hiệu.Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên cho vay được quyền đòi lại tài sản và phải báo cho bên vay biết trong một thời hạn hợp lý. Bên cho vay đã báo cho bên vay việc đòi lại tiền vào 09/2020 (thể hiện tại Thông báo yêu cầu trả nợ ngày 15/9/2020, bị đơn nhận được ngày 29/9/2020 - Bút lục 44, 45) với thời hạn thông báo là một tháng. Như vậy thời gian tính lãi sẽ được tính bắt đầu từ ngày hết hạn thông báo này.

10 Do là hợp đồng vay không lãi nên thời gian tính lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 sẽ bắt đầu từ tháng 29/10/2020. Thời gian tính lãi từ tháng 29/10/2020 đến khi xét xử phúc thẩm là 02 năm 06 tháng 24 ngày. Lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 sẽ là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng. Số tiền lãi phải trả là: 127.820.000 đồng. Số vốn và lãi phải trả là 627.820.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

11 Về án phí dân sự: do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đồng thời điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 627.820.000 đồng (Trong đó, tiền vốn là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 127.820.000 đồng) theo Biên nhận 20/11/2006 do bị đơn ký tên.

Kể từ ngày án có hiệu lực, nếu bị đơn chậm trả thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chịu 28.887.200 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/006280 ngày 11/8/2020 và 15.820.000 đồng theo Biên lai thu ạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/006378 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng. Nguyên đơn còn phải nộp thêm 1.067.200 đồng.

Bị đơn phải chịu 29.112.800 đồng.

3.Về chi phí giám định chữ ký: Nguyên đơn chịu 7.000.000 đồng, đã nộp xong.

4.Về án phí dân sự phúc thẩm

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008140 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bịcưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chế Linh